

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2020.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh.

2. Ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thúy L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 6, xã V, huyện V, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 6, xã V, huyện V, tỉnh Đ.

(Chị L, anh S có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị L trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S sau thời Gn tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/3/2009. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Anh S hay ghen tuông, nghi ngờ chị có quan hệ với người khác, từ đó thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng nhiều lần ngồi lại nói chuyện, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng chị ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S.

-Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Như Y, sinh ngày 13/10/2009 và Nguyễn G G, sinh ngày 29/9/2012. Khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đ/tháng, tổng cộng cho hai con là 3.000.000đ/tháng.

-Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn anh S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đ. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng anh hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L đi làm về thường xuyên đi ăn uống, tụ tập bạn bè, anh nghi ngờ chị L có ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, mâu thuẫn hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị L bỏ về bên nhà bố mẹ ruột và hai vợ chồng ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Sau khi hai vợ chồng ly thân hai bên G đình có hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị L xin ly hôn thì anh không đồng ý, vì anh vẫn còn thương vợ con.

- Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Như Y, sinh ngày 13/10/2009 và Nguyễn G G, sinh ngày 29/9/2012. Hiện nay hai con đang sống chung với chị L. Trường hợp ly hôn anh đồng ý cho hai con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đ/tháng, tổng cộng cho hai con là 3.000.000đ/tháng.

-Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh S trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Như Y, sinh ngày 13/10/2009 và Nguyễn G G, sinh ngày 29/9/2012, ly hôn Go cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Về cấp dưỡng nuôi con anh S đồng Y cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đ/tháng, tổng cộng cho hai con là 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Minh S cư trú tại: Tổ 3, ấp 6, xã V, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2]Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị L, bị đơn anh S có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đ vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và G đình năm 2000 hôn nhân giữa chị L và anh S là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh S nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và G đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và G đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh S xảy ra từ năm 2019 đến nay, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng chị L và anh S đã tìm cách hòa giải khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh S thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng và hai vợ chồng anh ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị L xin ly hôn thì anh S không đồng ý. Tuy nhiên, từ lúc hai vợ chồng có mâu thuẫn và ly thân với nhau cho đến nay anh S cũng không có biện pháp gì để hai vợ chồng anh khắc phục mâu thuẫn với nhau. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng anh S vắng mặt, không tham G phiên hòa giải đoàn tụ và tham G tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ anh S không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại địa phương thì đại diện địa phương cho biết trong quá trình chung sống hai vợ chồng chị L và anh S có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh S hay ghen và nghi ngờ chị L ngoại tình dẫn đến

vợ chồng cãi vã và xung đột. Chị L bỏ về nhà bố mẹ ruột từ khoảng tháng 10/2019 cho đến nay.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, chị L được ly hôn với anh S

[4]Về con chung: Hai vợ chồng chị L và anh S có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Như Y, sinh ngày 13/10/2009 và Nguyễn G G, sinh ngày 29/9/2012. Ly hôn chị L và anh S thống nhất Go hai con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của hai con chung cũng mong muốn được sống chung với chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận Go hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh S thống nhất anh S cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đ/tháng, tổng cộng cho hai con là 3.000.000đ/tháng.

[5]Về tài sản chung: Chị L và anh S không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]Về nợ chung: Chị L và anh S trình bày không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7]Về án phí hôn nhân và G đình sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, anh S phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8]Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 131 của Luật Hôn nhân và G đình 2014; Luật Hôn nhân và G đình 2000;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Lê Thúy L.

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thúy L được ly hôn anh Nguyễn Minh S.

-Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Như Y, sinh ngày 13/10/2009 và Nguyễn G G, sinh ngày 29/9/2012. Ly hôn Go hai con chung cho chị Lê Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm ngàn đồng), tổng cộng cho hai con là 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng), thời Gn cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh S được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

-Về án phí: Chị Lê Thúy L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân G đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003970 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Anh Nguyễn Minh S phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh S không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời Gn chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã V;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại